

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 85/2016/NQ-HĐND

Lào Cai, ngày 15 tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định về chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp,
lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2017 - 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
KHÓA XV - KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;

Căn cứ Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015-2020;

Căn cứ Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 53/2012/TT-BNNPTNT ngày 26 tháng 10 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành danh mục sản phẩm nông nghiệp, thủy sản được hỗ trợ theo Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 9/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;

Căn cứ Thông tư 05/2014/TT-BKHĐT ngày 30 tháng 9 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Thực hiện Quyết định số 719/QĐ-TTg ngày 05 tháng 6 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm;

Thực hiện Quyết định số 1442/QĐ-TTg ngày 23 tháng 8 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 719/QĐ-TTg ngày 05 tháng 6 năm 2008 về chính sách hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm;

Xét Tờ trình số 261/TTr-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh Lào Cai; Báo cáo thẩm tra số 121/BC-KTNS ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2017 – 2020.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân; các Tổ Đại biểu HĐND và các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai khóa XV - Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 14/12/2016 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

Bãi bỏ Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND ngày 13/12/2013 của HĐND tỉnh Lào Cai về chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2014 - 2020; Nghị quyết số 08/2015/NQ-HĐND ngày 09/7/2015 của HĐND tỉnh Lào Cai về chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2015-2020; Nghị quyết số 33/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của HĐND tỉnh Lào Cai về chính sách phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2016-2020. / *lho*

Nơi nhận:

- UBTW Quốc hội, Chính phủ;
- Ban chỉ đạo Tây Bắc;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT; Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT. TU; HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQ và các Đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- VP TU, HĐND, Đoàn ĐBQH, UBND tỉnh;
- Chuyên viên Văn phòng;
- Công báo Lào Cai; Báo Lào Cai; Đài PT-TH tỉnh;
- Lưu: VT, TH. / *lho*

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Vịnh

QUY ĐỊNH

**Về chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp
và thủy sản trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2017 - 2020**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 85/2016/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12
năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai)*

Chương I

**CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP,
LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN**

Điều 1. Đối tượng được hỗ trợ

Các tổ chức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp; hộ gia đình, cá nhân trong nước tham gia đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản (gọi chung là người sản xuất) có các dự án hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Lào Cai được cấp có thẩm quyền phê duyệt phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch tổng thể ngành nông nghiệp; các quy hoạch có liên quan đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và kế hoạch hàng năm trên địa bàn tỉnh Lào Cai và các lĩnh vực sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản thuộc đề án “Tái cơ cấu kinh tế nông, lâm nghiệp giai đoạn 2016 - 2020”.

Điều 2. Hỗ trợ phát triển trồng trọt

1. Trồng, chế biến chè chất lượng cao:

a) Hỗ trợ trồng mới chè (Shan) và chăm sóc thời kỳ kiến thiết cơ bản, mức 20 triệu đồng/ha;

b) Hỗ trợ trồng mới và chăm sóc thời kỳ kiến thiết cơ bản chè chất lượng cao phục vụ chế biến sản phẩm chè tinh chế, chè ô long (các giống: Kim Tuyên, Ngọc Thủy, Hùng Đinh Bạch, Ô long...), mức hỗ trợ 30 triệu đồng/ha.

2. Hỗ trợ phát triển sản xuất giống lúa tại tỉnh: Các hộ nông dân có ruộng trong vùng quy hoạch sản xuất hạt giống lúa được hỗ trợ một lần kinh phí chuyển đổi từ sản xuất lúa thối sang sản xuất lúa giống là 15 triệu đồng/ha/05 năm.

Điều 3. Hỗ trợ phát triển chăn nuôi

1. Hỗ trợ tiêm phòng gia súc, gia cầm:

a) Đối với đàn đại gia súc (trâu, bò, ngựa): Hỗ trợ cấp không thu tiền các loại vắc xin đối với các bệnh phải tiêm phòng bắt buộc theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; hỗ trợ công tiêm phòng các loại vắc xin 2.000 đồng/01 mũi tiêm.

b) Đối với đàn lợn: Hỗ trợ cấp không thu tiền các loại vắc xin để tiêm phòng cho đàn lợn, đối với các bệnh phải tiêm phòng bắt buộc theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

c) Đối với gia cầm: Hỗ trợ cấp không thu tiền vắc xin cúm gia cầm theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, để tiêm phòng cho đàn gia cầm của các hộ, cơ sở chăn nuôi trên địa bàn tỉnh.

d) Phòng bệnh dại: Hỗ trợ cấp không thu tiền vắc xin dại chó để tiêm phòng bệnh dại cho đàn chó trên địa bàn tỉnh.

2. Hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh lở mồm long móng gia súc, bệnh tai xanh, dịch cúm gia cầm:

a) Người sản xuất phải tiêu hủy gia súc, gia cầm do mắc dịch bệnh, vùng có dịch bắt buộc phải tiêu hủy và trâu, bò bị chết phải tiêu hủy do phản ứng quá mẫn sau khi tiêm vắc xin, được hỗ trợ khắc phục thiệt hại theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.

b) Hỗ trợ chi phí hóa chất khử trùng, tiêu độc chuồng trại, môi trường chăn nuôi; chi phí tiêu hủy gia súc, gia cầm mắc bệnh; tuyên truyền, kiểm tra, chỉ đạo, phòng chống dịch bệnh và chi phí khác phục vụ công tác chống dịch.

c) Hỗ trợ cho người trực tiếp tham gia nhiệm vụ phòng, chống dịch để thực hiện tiêu hủy gia súc, gia cầm, phun hóa chất khử trùng tiêu độc và làm nhiệm vụ tại các chốt kiểm dịch. Mức chi bằng 100.000 đồng/người/ngày, đêm đối với ngày làm việc và 200.000 đồng/người/ngày, đêm đối với ngày nghỉ, ngày lễ, tết.

3. Hỗ trợ sản xuất giống vật nuôi:

a) Hỗ trợ đào tạo dẫn tinh viên; cấp dụng cụ phối giống bò cho dẫn tinh viên đã qua đào tạo, có chứng chỉ. Mức hỗ trợ cụ thể theo dự toán được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt nhưng tối đa không quá 11 triệu đồng/01 dẫn tinh viên;

b) Hỗ trợ cải tạo đàn bò bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo: Mức hỗ trợ là 500.000 đồng/con bê ra đời, trong đó: chi hỗ trợ tiền công phối giống cho dẫn tinh viên với mức 200.000 đồng/con; hỗ trợ tiền tinh và Ni-tơ bảo quản tinh mức 300.000 đồng/con;

c) Hỗ trợ nuôi lợn đực giống để khai thác tinh nhân tạo (quy mô tối thiểu 03con/cơ sở). Mức hỗ trợ 40 triệu đồng/cơ sở đăng ký mới đảm bảo các tiêu chuẩn quy định giống chuẩn Quốc gia;

4. Hỗ trợ phát triển trang trại, cơ sở chăn nuôi công nghiệp, cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung:

a) Đầu tư mới trang trại chăn nuôi: Hỗ trợ một phần kinh phí làm chuồng trại, vệ sinh môi trường, mua giống mới. Mức hỗ trợ 50 triệu đồng/trang trại cho lần đầu được cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chí trang trại theo quy định;

b) Cơ sở chăn nuôi công nghiệp hoặc tập trung: Chăn nuôi lợn nái lai, ngoại sinh sản, quy mô thường xuyên tập trung từ 200 con lợn nái trở lên; chăn nuôi lợn thịt từ 2.000 con/năm; chăn nuôi gia cầm sản xuất giống từ 20.000 con/tháng hoặc nuôi gia cầm thịt với quy mô thường xuyên từ 30.000 con/lứa; chăn nuôi gia cầm để trứng thương phẩm quy mô thường xuyên từ 20.000 con trở lên (gọi chung là cơ sở) được hỗ trợ một phần kinh phí để xây dựng cơ sở hạ tầng, tiếp nhận và chuyển giao kỹ thuật, vệ sinh môi trường (Chuồng trại phải đảm bảo QCVN 01-14:

2010/BNNPTNT và QCVN 01-15: 2010/BNNPTNT về điều kiện trại chăn nuôi an toàn sinh học). Mức hỗ trợ 10% giá trị tổng mức đầu tư xây dựng cơ bản và trang thiết bị, nhưng không quá 02 tỷ đồng/cơ sở;

c) Cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung: Đầu tư xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung phù hợp với quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, được ưu tiên bố trí mặt bằng sạch và hỗ trợ kinh phí để đầu tư trang thiết bị, vệ sinh môi trường (Cơ sở hạ tầng giết mổ đảm bảo theo quy định tại Thông tư 61/2010/TT-BNNPTNT và Thông tư 61/2010/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2010 của Bộ Nông nghiệp và PTNT). Mức hỗ trợ 10% giá trị tổng mức đầu tư xây dựng cơ bản và trang thiết bị, nhưng không quá 2 tỷ đồng/cơ sở.

Điều 4. Hỗ trợ phát triển thủy sản

Phát triển nuôi cá lồng trên sông, hồ chứa: Mức hỗ trợ 05 triệu đồng/01 lồng đóng mới thể tích từ 20m³ trở lên ở địa phương được quy hoạch.

Điều 5. Hỗ trợ sản xuất tiêu chuẩn VietGAP

Người sản xuất đăng ký cơ sở sản xuất sản phẩm nông lâm sản, thủy sản đạt tiêu chuẩn, quy trình thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP) thuộc danh mục sản phẩm được hỗ trợ do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành tại Thông tư số 53/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/10/2012 và các sản phẩm đặc thù của địa phương, như: Sản phẩm trồng trọt (Rau, quả, chè, lúa, nấm); Sản phẩm chăn nuôi (Lợn, gia cầm, ong); Sản phẩm thủy sản (Cá rô phi, cá hồi, cá tầm), được hỗ trợ:

a) Ngân sách nhà nước đầu tư 100% kinh phí về điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí để xác định các vùng sản xuất tập trung thực hiện các dự án sản xuất nông lâm thủy sản áp dụng tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt (Mức hỗ trợ không quá 400 triệu đồng/dự án).

b) Ngân sách nhà nước hỗ trợ: Không quá 50% tổng vốn đầu tư xây dựng, cải tạo kết cấu hạ tầng bao gồm: đường giao thông, hệ thống thủy lợi, trạm bơm, điện hạ thế, hệ thống xử lý chất thải, hệ thống cấp thoát nước của vùng sản xuất tập trung; nhà xưởng, thiết bị chế biến, vật tư sản xuất. (Mức hỗ trợ không quá 1 tỷ đồng/1 dự án).

c) Hỗ trợ 100% kinh phí đào tạo, tập huấn cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, cán bộ khuyến nông các cấp; dạy nghề cho lao động nông thôn áp dụng tiêu chuẩn thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong sản xuất, sơ chế sản phẩm an toàn theo các quy định hiện hành. (Mức hỗ trợ không quá 600 triệu đồng/dự án).

d) Hỗ trợ một lần (100% kinh phí) đối với việc thuê tư vấn, tổ chức chứng nhận đánh giá để được cấp Giấy chứng nhận sản phẩm an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP (Mức hỗ trợ không quá 45 triệu đồng/Giấy chứng nhận sản phẩm an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP).

Điều 6. Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

1. Hỗ trợ tích tụ đất sản xuất: Tổ chức, cá nhân hộ gia đình thực hiện tích tụ đất đai phục vụ sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phù hợp với quy hoạch; có Phương án tích tụ đất đai được Ủy ban nhân dân cấp xã (hoặc cấp huyện) phê duyệt. Được hỗ trợ kinh phí cho công tác đo đạc, chỉnh lý hồ sơ địa

chính và cấp đổi, cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi thực hiện tích tụ đất đai, mức hỗ trợ theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Người sản xuất thực hiện dự án trồng rau, hoa ứng dụng công nghệ cao có quy mô tối thiểu 5.000 m² được ngân sách hỗ trợ 80.000 đồng/m² nhà lưới, nhà kính thông dụng và có sử dụng hệ thống tưới tiết kiệm, mức hỗ trợ tối đa 02 (hai) tỷ đồng/dự án.

Điều 7. Hỗ trợ phát triển lâm nghiệp

Nội dung và mức hỗ trợ: Thực hiện theo Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số chính sách bảo vệ và phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp.

Chương II

CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ KHUYẾN KHÍCH DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Điều 8. Đối tượng được hỗ trợ

Nhà đầu tư là doanh nghiệp được thành lập và đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 9. Danh mục các sản phẩm đặc thù được ưu đãi đầu tư

1. Sản phẩm trồng trọt:
 - a) Sản xuất lúa: Sóng Cù, Khẩu Nậm Xít, nếp Thẩm Dương.
 - b) Cây ăn quả: Mận Tam Hoa, mận Tả Van, lê VH6, đào Pháp chín sớm.
 - c) Cây dược liệu: Atiso, Đương Quy, Tam thất, Sa Nhân tím.
 - d) Phát triển vùng nguyên liệu chè chất lượng cao: Phục vụ chế biến sản phẩm chè tinh chế, chè ô long (các giống: Kim Tuyên, Ngọc Thuý, Hùng Đinh Bạch, Ô long, ...).
 - đ) Phát triển vùng nguyên liệu cây gia vị: ớt.
 - e) Sản xuất rau, hoa ứng dụng công nghệ cao.
2. Sản phẩm chăn nuôi, gồm: Sản xuất giống lợn Đen bản địa, giống trâu Bảo Yên, giống bò Vàng vùng cao.

Điều 10. Ưu đãi thuê đất, thuê mặt nước:

Miễn giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước; hỗ trợ thuê đất, thuê mặt nước; hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực, phát triển thị trường và áp dụng khoa học công nghệ thực hiện theo các Điều 6, 7, 8, 9 Nghị định số 210/2013/NĐ-CP.

Điều 11. Hỗ trợ đầu tư cơ sở chăn nuôi gia súc:

1. Nội dung và mức hỗ trợ:
 - a) Dự án đầu tư sản xuất giống trâu Bảo Yên, bò Vàng vùng cao được hỗ trợ 1,5 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, điện, nước, chuồng trại, đồng cỏ và mua thiết bị;
 - b) Bảo tồn và phát triển giống lợn Đen bản địa: Hỗ trợ 1,5 tỷ đồng/dự án chăn nuôi lợn nái sinh sản để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, điện, nước, chuồng trại và mua thiết bị;

2. Điều kiện được hưởng chính sách hỗ trợ:

Nhà đầu tư phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Nhà đầu tư có dự án đầu tư cơ sở chăn nuôi gia súc quy mô nuôi tập trung, nằm trong quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc các dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận cho phép đầu tư;

b) Quy mô nuôi tập trung: Đối với dự án sản xuất giống trâu Bảo Yên hoặc bò Vàng vùng cao có quy mô nuôi tập trung thường xuyên từ 200 con trở lên; Đối với dự án bảo tồn và phát triển giống lợn Đen bản địa, chăn nuôi lợn nái sinh sản có quy mô nuôi tập trung thường xuyên từ 100 con trở lên;

c) Bảo đảm vệ sinh thú y, an toàn phòng chống dịch bệnh, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường theo các quy định của pháp luật về thú y, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường;

d) Nhà đầu tư phải sử dụng tối thiểu 30% lao động tại địa phương/dự án.

Điều 12. Hỗ trợ đầu tư sản xuất sản phẩm trồng trọt

1. Nội dung và mức hỗ trợ:

a) Dự án trồng lúa đặc sản (Séng Cù, Khẩu Nậm Xít, nếp Thảm Dương) được hỗ trợ 100% kinh phí mua giống, vật tư và 70% chi phí xây dựng và cải tạo đồng ruộng, hoàn thiện hệ thống thủy lợi nội đồng phục vụ sản xuất; tổng mức hỗ trợ tối đa 02 (hai) tỷ đồng/dự án;

b) Dự án trồng cây ăn quả (mận Tam Hoa, mận Tả Van, lê VH6, đào Pháp chín sớm) được hỗ trợ 100% kinh phí mua giống, vật tư và 70% chi phí xây dựng hệ thống tưới tiết kiệm, cải tạo, thiết kế vùng trồng mới; tổng mức hỗ trợ tối đa 01 (một) tỷ đồng/dự án;

c) Dự án phát triển vùng nguyên liệu cây ốt được hỗ trợ 10 triệu đồng/ha trồng mới để mua giống, vật tư và xây dựng hệ thống tưới tiết kiệm và mua thiết bị phục vụ sản xuất;

d) Dự án trồng cây dược liệu (Atiso, Đương Quy, Tam thất, Sa Nhân tím) được hỗ trợ 15 triệu đồng/ha để xây dựng đồng ruộng, cây giống.

2. Điều kiện được hưởng chính sách hỗ trợ

Nhà đầu tư phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Dự án nằm trong quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc các dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận cho phép đầu tư;

b) Dự án sản xuất sản phẩm trồng trọt có quy mô đảm bảo một trong các tiêu chí sau: Trồng lúa đặc sản phải có quy mô tập trung từ 100 ha trở lên; Trồng cây ăn quả phải có quy mô tập trung từ 50 ha trở lên; Phát triển vùng nguyên liệu cây ốt phải có quy mô từ 50 ha trở lên; Trồng cây dược liệu phải có quy mô từ 50 ha trở lên;

c) Đảm bảo các an toàn về vệ sinh thực phẩm, bảo vệ môi trường theo các quy định của pháp luật;

d) Nhà đầu tư phải sử dụng tối thiểu 30% lao động tại địa phương/dự án.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách quy định tại Chương I Quy định này:

a) Ngân sách Trung ương hỗ trợ từ các chương trình mục tiêu, chương trình mục tiêu quốc gia, vốn ngân sách tỉnh, nguồn ủng hộ đóng góp và các nguồn vốn hợp pháp khác.

b) Ngân sách huyện, thành phố: Đảm bảo bố trí hợp lý kinh phí ngân sách hỗ trợ hàng năm để thực hiện chính sách trên địa bàn huyện, thành phố.

2. Nguồn kinh phí thực hiện thực hiện chính sách quy định tại Chương II Quy định này:

a) Các nội dung, dự án không được ngân sách Trung ương hỗ trợ theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP:

- Dự án thực hiện trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu trên địa bàn tỉnh (có trong danh sách theo Quyết định số 204/QĐ-TTg ngày 01/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ): Ngân sách tỉnh hỗ trợ 100% tổng mức hỗ trợ theo quy định tại Chương II Quy định này;

- Các dự án được triển khai tại các địa bàn khác trong tỉnh: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 80%, ngân sách huyện hỗ trợ 20% tổng mức hỗ trợ theo quy định tại Chương II Quy định này.

b) Đối với các nội dung, dự án đáp ứng đầy đủ các nội dung quy định tại Nghị định số 210/2013/NĐ-CP: Ngân sách Trung ương 80%, ngân sách tỉnh 20% tổng mức kinh phí hỗ trợ theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Khái toán nguồn kinh phí địa phương thực hiện chính sách giai đoạn 2017 - 2020 là 275.000 triệu đồng.

Điều 14. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Căn cứ vào đối tượng, nội dung, mức hỗ trợ tại Quy định này, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện đảm bảo đạt hiệu quả. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để xem xét, quyết định./.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Vịnh